

HƯỚNG DẪN

Nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Chương trình số 67-CTr/TU, ngày 13/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 2277-CV/TU, ngày 26/12/2024 về việc tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị;

Hướng dẫn số 186-HD/BTGTW, ngày 10/01/2025 của Ban Tuyên giáo Trung ương về quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW) và Chương trình số 67-CTr/TU, ngày 13/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Chương trình số 67-CTr/TU);

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy hướng dẫn việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong Đảng bộ và hệ thống chính trị, sự đồng thuận trong Nhân dân về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU.

- Giúp cấp ủy, tổ chức đảng các cấp lãnh đạo, chỉ đạo việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU.

2. Yêu cầu

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU phải được tiến hành kịp thời, khẩn trương, nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả. Chú trọng đổi mới nội dung, phương thức quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Từng cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mình, nắm vững quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU gắn với thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; nâng cao tính chủ động, hiệu quả trong đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, nhận thức sai lệch về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU, QUÁN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN

Các cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU để tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, trong đó tập trung vào một số nội dung sau:

1. Về quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

(1) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là *đột phá* quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

(2) Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

(3) Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”. Chú trọng bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; có cơ chế, chính sách đặc biệt về nhân tài. Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc "hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí"; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

(4) Phát triển nhanh và bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược; ưu tiên nguồn lực quốc gia đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát huy tối đa tiềm năng, trí tuệ Việt Nam gắn với nhanh chóng tiếp thu, hấp thụ, làm chủ và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chú trọng nghiên cứu cơ bản, tiến tới tự chủ và cạnh tranh về công nghệ ở một số lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng, lợi thế.

(5) Bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin của tổ chức và cá nhân là yêu cầu xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Những nội dung chính của Chương trình số 67-CTr/TU: Thực trạng, tình hình hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh (những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế); những mục tiêu cùng các nhiệm vụ, giải pháp được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, trong đó:

2.1. Về mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, từng bước trở thành các yếu tố mang tính quyết định đối với sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh trên mọi lĩnh vực; là nhiệm vụ tiên quyết, tạo nền tảng để xây dựng tỉnh Sóc Trăng phát triển giàu mạnh trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

- Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

(1) Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên

tiên ở một số lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm các tỉnh có thu nhập trung bình cao; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của cả nước.

(2) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt trên 80%. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh duy trì trên 0,7.

(3) Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dân theo yêu cầu phát triển. Tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo công lập được sắp xếp lại bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng ít nhất 16%; tỷ lệ khai thác thương mại đạt 8 - 10%.

(4) Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng lớn, băng thông siêu rộng bảo đảm yêu cầu triển khai; từng bước ứng dụng có hiệu quả một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi. Phủ sóng 5G toàn tỉnh. Từng bước xây dựng đô thị theo hướng thông minh; thu hút các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh.

(5) Quản lý nhà nước hiệu lực, hiệu quả trên môi trường số, trong đó kết nối và vận hành thông suốt các hệ thống thông tin giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành và cơ sở dữ liệu các địa phương; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số; hình thành sản phẩm dịch vụ dữ liệu. Phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số đạt mức cao. Bảo đảm an toàn, an ninh trên không gian mạng và an ninh dữ liệu, đặc biệt là bảo đảm an toàn cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

- Tầm nhìn đến năm 2045:

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc,

góp phần đưa tỉnh Sóc Trăng trở thành một trong những tỉnh phát triển khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Quy mô kinh tế số đạt 50% GRDP; Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) đạt mức trung bình - khá so với cả nước. Thu hút tối thiểu từ 1 - 2 doanh nghiệp công nghệ số đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh.

2.2. Về các nhiệm vụ, giải pháp

Các cấp ủy, tổ chức đảng, các địa phương, cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở căn cứ vào nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU và chức năng, nhiệm vụ, tình hình, đặc điểm cụ thể của địa phương, cơ quan, đơn vị chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp sau:

(1) Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

(2) Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(3) Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(4) Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(5) Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

(6) Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

(7) Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

III. HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN

1. Hình thức

Ban tuyên giáo và dân vận, ban tuyên huấn các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp ủy xây dựng kế hoạch tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU, các chương trình, kế hoạch thực

hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU của địa phương, cơ quan, đơn vị trong phạm vi quản lý với hình thức phù hợp.

2. Đối tượng

Tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ, đảng viên; công chức, viên chức; đoàn viên, hội viên và nhân dân.

3. Thời gian

Hoàn thành trong Quý 2/2025.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Xây dựng hướng dẫn nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đưa nội dung thông tin Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU vào hội nghị báo cáo viên, Trang Thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh, bản tin Thông báo nội bộ hàng tháng.

Thường xuyên chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền, nắm bắt dư luận xã hội về các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

Xây dựng kế hoạch nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU, các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU của địa phương, cơ quan, đơn vị. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU theo lĩnh vực, địa bàn được phân công; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện về Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy để cùng tổng hợp trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Đối với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, đề nghị:

Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát

triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị, sự đồng thuận trong Nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU.

Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy cùng các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

Tổ chức phổ biến, tuyên truyền sâu, rộng nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU, các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU của cơ quan, đơn vị đến đoàn viên, hội viên và nhân dân. Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương chỉ đạo, hướng dẫn các cấp bộ đoàn, hội tổ chức tốt các hoạt động thông tin, tuyên truyền, chú trọng việc xây dựng, nhận rộng cũng như chia sẻ, lan tỏa những sáng kiến, kinh nghiệm, mô hình hay, cách làm hiệu quả, việc cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

4. Các cơ quan truyền thông, báo chí trong tỉnh

Sở Khoa học và Công nghệ, Báo Sóc Trăng, Đài Phát thanh - Truyền hình Sóc Trăng và các cơ quan báo chí, các trang web, Cổng thông tin điện tử trong tỉnh... xây dựng kế hoạch tăng cường tuyên truyền, mở các chuyên trang, chuyên mục, sử dụng các mạng xã hội và nền tảng số để tuyên truyền sâu sắc, nêu bật ý nghĩa, tầm quan trọng của đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tăng cường các tuyến tin bài tuyên truyền sâu sắc, sinh động về công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; biểu dương, khích lệ những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Ban tuyên giáo và dân vận, ban tuyên huấn các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

Tham mưu cấp ủy chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU, các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU của địa phương, cơ quan, đơn vị bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tạo sự lan tỏa sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân; vận động, khuyến khích cán bộ tuyên giáo, phóng

viên, biên tập viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp đăng tải, chia sẻ thông tin về Nghị quyết 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU cùng các nội dung có liên quan tại các hội nghị, các buổi báo cáo chuyên đề và trên các trang mạng xã hội.

Tập trung làm rõ các quan điểm chỉ đạo, những nhiệm vụ, giải pháp thực hiện mục tiêu đã được xác định trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU bảo đảm phù hợp với tình hình ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Chủ động nắm chắc và dự báo tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội; kịp thời tham mưu, đề xuất giải pháp giúp cấp ủy chỉ đạo thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội trong quá trình triển khai thực hiện.

Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cấp ủy thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU, các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU tại địa phương, cơ quan, đơn vị. Hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm lồng ghép nội dung báo cáo kết quả nổi bật trong việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 67-CTr/TU trong báo cáo công tác định kỳ của cơ quan, đơn vị gửi Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; trong đó chú trọng thông tin, giới thiệu những sáng kiến, kinh nghiệm, mô hình hay, cách làm hiệu quả, việc cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tại địa phương, cơ quan, đơn vị. Theo dõi, tổng hợp định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện.

(Đính kèm Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Chương trình số 67-CTr/TU, ngày 13/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c),
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh,
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Sở Khoa học và Công nghệ (để p/h),
- Báo Sóc Trăng; Đài PT-TH Sóc Trăng,
- Ban tuyên giáo và dân vận, tuyên huấn các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các phòng trực thuộc Ban,
- Lưu VT.BTGDVTU.

K/T TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN

VĂN
Email: BTGTUQT1@BTGTU
Cơ quan: TỈNH ỦY SÓC TRĂNG
Ngày ký: 10-05-2025 14:43:41 +07:00



Vũ Thị Hiếu Đông

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY

VĂN BẢN ĐẾN QUA MẠNG

Số: 22/2024. Ngày: 22/12/2024

Chuyển:.....

Lưu hồ sơ:.....

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc.

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, tốc độ và sự bứt phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia còn chậm; quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia còn khoảng cách xa so với nhóm các nước phát triển; nhận thức của nhiều cấp, nhiều ngành, cán bộ, công chức và Nhân dân về chuyển đổi số chưa đầy đủ và sâu sắc; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa có bước đột phá, chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ cốt lõi; thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; hạ tầng chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng số còn nhiều hạn chế; an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu còn nhiều thách thức.

Đất nước ta đang đứng trước yêu cầu cần có chủ trương, quyết sách mạnh mẽ, mang tính chiến lược và cách mạng để tạo xung lực mới, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, để đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên giàu mạnh, hùng cường, thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Từ tình hình trên, Bộ Chính trị yêu cầu quán triệt thực hiện tốt các nội dung sau:

I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức

quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

2. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số quốc gia. Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số quốc gia.

3. Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy "không quản được thì cấm". Chú trọng bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số quốc gia; có cơ chế, chính sách đặc biệt về nhân tài. Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc "hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí"; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

4. Phát triển nhanh và bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược; ưu tiên nguồn lực quốc gia đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số. Phát huy tối đa tiềm năng, trí tuệ Việt Nam gắn với nhanh chóng tiếp thu, hấp thụ, làm chủ và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chú trọng nghiên cứu cơ bản, tiến tới tự chủ và cạnh tranh về công nghệ ở một số lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng, lợi thế.

5. Bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin của tổ chức và cá nhân là yêu cầu xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số quốc gia.

II- MỤC TIÊU

1. Đến năm 2030

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh

nghiệp đạt mức trên trung bình của thế giới; một số lĩnh vực khoa học, công nghệ đạt trình độ quốc tế. Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử; nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế. Tối thiểu có 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%; tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt tối thiểu 50%. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP. Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%. Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Hệ thống tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được sắp xếp lại bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân; có từ 40 - 50 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới; số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm, tỉ lệ khai thác thương mại đạt 8 - 10%.

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi. Phủ sóng 5G toàn quốc. Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh đối với các thành phố trực thuộc Trung ương và một số tỉnh, thành phố có đủ điều kiện. Thu hút thêm ít nhất 3 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

- Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành

sản giao dịch dữ liệu. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao của thế giới. Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Việt Nam có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP; là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển; tối thiểu có 10 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến. Thu hút thêm ít nhất 5 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, xác định rõ trách nhiệm, chủ động triển khai thực hiện. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện. Nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm. Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp uỷ các cấp. Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Có chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Triển khai sâu rộng phong trào "*học tập số*", phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ Việt Nam thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

quốc gia. Mở rộng đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù là nhỏ nhất.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục thể chế hoá đầy đủ và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Tập trung triển khai tốt các nội dung sau:

- Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

- Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Có cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước; có chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan. Hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

- Thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo. Đầu tư, nâng cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, cùng các cơ sở nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trọng điểm quốc gia. Sáp nhập, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động không hiệu quả. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức,

cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp. Có cơ chế cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu.

- Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Ngân sách chi cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ ưu tiên thực hiện theo cơ chế quỹ, thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Có cơ chế khuyến khích mua sắm công đôi với các sản phẩm, hàng hoá là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong nước tạo ra. Có cơ chế đặc biệt trong nghiên cứu, tiếp cận, mua các bí mật công nghệ, học hỏi, sao chép các công nghệ tiên tiến của nước ngoài.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Ban hành Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược (ưu tiên các lĩnh vực quốc phòng, không gian, năng lượng, môi trường, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, bán dẫn, công nghệ lượng tử, robot và tự động hoá...); có cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược. Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược; ban hành cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược.

- Ban hành các chiến lược nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong khai thác, phát triển không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ. Chú trọng phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược. Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là đất hiếm để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số. Ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; chính sách đặc biệt để đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp

an ninh mạng. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.

- Có cơ chế hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số hiện đại, trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn quốc, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu. Phát triển ngành công nghiệp IoT, xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây; thu hút doanh nghiệp nước ngoài đặt trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây tại Việt Nam. Hình thành hạ tầng lưu trữ, tính toán đạt tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn xanh. Sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia; đầu tư xây dựng các trung tâm dữ liệu vùng. Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu quốc gia, dữ liệu của bộ, ngành, địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Có cơ chế, chính sách bảo đảm dữ liệu thành nguồn tài nguyên tư liệu sản xuất quan trọng. Xác lập quyền sở hữu, kinh doanh dữ liệu và phân phối giá trị tạo ra từ dữ liệu. Phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu và các sản phẩm dịch vụ dữ liệu. Xây dựng các cơ sở dữ liệu lớn có chủ quyền của Việt Nam. Hình thành ngành công nghiệp dữ liệu lớn của Việt Nam. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Có cơ chế, chính sách hấp dẫn về tín dụng, học bổng và học phí để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hoá học, kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo tài năng trên các lĩnh vực. Ban hành cơ chế đặc thù thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao về Việt Nam làm việc, sinh sống. Có cơ chế đặc biệt về nhập quốc tịch, sở hữu nhà, đất, thu nhập, môi trường làm việc nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các "tổng công trình sư" trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ

trí tuệ nhân tạo và đào tạo nguồn nhân lực. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế.

- Xây dựng một số trường, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo. Có cơ chế đặc thù về hợp tác công tư trong đào tạo nhân lực công nghệ số. Xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, nâng cao năng lực số trong xã hội.

- Phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, kỹ thuật và công nghệ then chốt; đẩy mạnh hợp tác với các đại học uy tín của nước ngoài; đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Có kế hoạch và lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước. Xây dựng nền tảng số dùng chung quốc gia, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân. Có chính sách đặc thù để thu hút, tuyển dụng, giữ chân nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

- Phát triển các nền tảng số an toàn và tăng cường ứng dụng công nghệ số, hình thành công dân số. Phát triển một số mạng xã hội Việt Nam, xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh. Phát triển văn hoá số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội. Xây dựng nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền quốc gia trên nền tảng số và không gian mạng; an ninh, an toàn dữ liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và chủ quyền an ninh dữ liệu quốc gia. Hiện đại hoá vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, an ninh. Từng bước ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang cũng như làm chủ công nghệ cao

trong hoạt động quốc phòng, an ninh. Ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến. Xây dựng, phát huy sức mạnh thể trận chiến tranh nhân dân, thể trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Có các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài.

- Có chính sách đủ mạnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong nước quy mô lớn để phát triển hạ tầng số, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia và đủ năng lực cạnh tranh quốc tế; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Phát triển một số khu công nghiệp công nghệ số. Thúc đẩy doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D).

- Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược khác. Có chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam. Chủ động, tích cực tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về các công nghệ mới bảo đảm an toàn và cùng có lợi. Thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyên gia công nghệ trong các thoả thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, do đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Trưởng Ban. Thành lập Hội đồng Tư vấn quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước.

2. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện pháp luật về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường giám sát thực hiện theo quy định.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết; phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội thể chế hoá đầy đủ các chủ trương, chính sách nêu trong Nghị quyết này và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện, cơ bản hoàn thành trong năm 2025.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quán triệt thực hiện Nghị quyết; hướng dẫn tăng cường tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết.

6. Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết; định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả với Ban Chỉ đạo Trung ương và Bộ Chính trị để chỉ đạo.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Các ban đảng, cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương,
- Các tỉnh ủy, thành ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ**



Tổ Lâm

CHƯƠNG TRÌNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị

**về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số quốc gia**

BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TỈNH ỦY
VĂN BẢN ĐẾN QUA MẠNG
Số: 194... Ngày 14/02/2025
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ:.....

Quan triệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Chương trình thực hiện Nghị quyết, cụ thể như sau:

I- THỰC TRẠNG, TÌNH HÌNH

Trong thời gian qua, hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đã đạt được những tiến bộ đáng kể, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đến nay, 100% công chức trong hệ thống chính trị đã được cấp hộp thư điện tử công vụ để trao đổi thông tin và thực hiện thực hiện nghiệp vụ xử lý văn bản; hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đối với cấp tỉnh là 90,6% và đối với cấp huyện là 88,5%; 100% các huyện, thị xã, thành phố đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán điện, nước, hoá đơn sinh hoạt và trong các cơ sở giáo dục, y tế. Trung tâm Giám sát, điều hành tỉnh (IOC) đã hoàn thiện các phân hệ, từng bước cập nhật chuẩn hoá cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh và cung cấp tiện ích khai thác, kết nối ứng dụng “Công dân Sóc Trăng” trên thiết bị di động cho người dân. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ gắn bó chặt chẽ với sản xuất và đời sống; các sản phẩm là kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi đưa vào thực tiễn đã phát huy được hiệu quả, có khả năng nhân rộng, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh và trong công tác quản lý của các ngành, lĩnh vực.

Tuy nhiên, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh còn chậm, chưa tạo nên bước đột phá lớn; quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế; cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ chưa tập trung hỗ trợ nhiều cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; năng suất lao động nói chung và năng suất lao động tổng hợp nói riêng còn thấp, hiệu quả sản xuất chưa cao; chỉ số đổi mới sáng tạo (PII), tỷ trọng kinh tế số của tỉnh còn thấp;...

Nguyên nhân của những hạn chế trên chủ yếu là do: Sự thiếu đồng bộ về cơ chế, chính sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương; nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa đầy đủ và sâu sắc; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các cấp, các ngành còn chậm đổi mới, thiếu tập trung. Bên cạnh đó, hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông chưa đồng bộ; việc đầu tư trang thiết bị cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số ở một số đơn vị, địa phương còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu cho xử lý công việc, nhất là trang thiết bị phục vụ cho bộ phận một cửa.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, từng bước trở thành các yếu tố mang tính quyết định đối với sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh trên mọi lĩnh vực; là nhiệm vụ tiên quyết, tạo nền tảng để xây dựng tỉnh Sóc Trăng phát triển giàu mạnh trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(1) Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở một số lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm các tỉnh có thu nhập trung bình cao; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của cả nước.

(2) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt trên 80%. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh duy trì trên 0,7.

(3) Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo công lập được sắp xếp lại bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa

nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng ít nhất 16%; tỷ lệ khai thác thương mại đạt 8 - 10%.

(4) Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng lớn, băng thông siêu rộng bảo đảm yêu cầu triển khai; từng bước ứng dụng có hiệu quả một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi. Phủ sóng 5G toàn tỉnh. Từng bước xây dựng đô thị theo hướng thông minh; thu hút các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh.

(5) Quản lý nhà nước hiệu lực, hiệu quả trên môi trường số, trong đó kết nối và vận hành thông suốt các hệ thống thông tin giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành và cơ sở dữ liệu các địa phương; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số; hình thành sản phẩm dịch vụ dữ liệu. Phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao. Bảo đảm an toàn, an ninh trên không gian mạng và an ninh dữ liệu, đặc biệt là bảo đảm an toàn cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa tỉnh Sóc Trăng trở thành một trong những tỉnh phát triển khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Quy mô kinh tế số đạt 50% GRDP; Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) đạt mức trung bình - khá so với cả nước. Thu hút tối thiểu từ 1 - 2 doanh nghiệp công nghệ số đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy; xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Nâng cao nhận thức của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên trong tỉnh về tầm quan trọng và quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Chương trình này theo hướng đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền thông qua

các kênh truyền thông như báo chí, phát thanh, truyền hình, hội nghị, hội thảo, công/trang thông tin điện tử và các nền tảng mạng xã hội; cụ thể hoá nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng của hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp; xây dựng kế hoạch tuyên truyền với mục tiêu, bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả thực hiện.

Xác định rõ vai trò, trách nhiệm, của người đứng đầu trong cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị và chủ động triển khai thực hiện; quy định rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm.

Xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị. Kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ và công tác thi đua, khen thưởng hằng năm. Xây dựng và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu quốc gia về đổi mới sáng tạo; phổ biến và nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ theo hướng khuyến khích tạo ra tài sản trí tuệ mới; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tạo dựng văn hoá sở hữu trí tuệ.

Phân đầu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong cấp uỷ các cấp và đội ngũ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị nhà nước. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh. Khuyến khích, phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Nghiên cứu xây dựng hoặc ứng dụng các nền tảng số, công cụ số để thực hiện đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số. Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục; phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức, viên chức và người dân, hình thành “xã hội học tập”.

Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và nhân dân, góp phần thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng, khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc dù là nhỏ nhất.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục thể chế hoá đầy đủ, kịp thời và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế,... theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước để bảo đảm thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tăng năng suất lao động. Rà soát bổ sung danh mục, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải.

Tập trung đầu tư, nâng cấp và phát triển Trung tâm Công nghệ số, Trung tâm Dịch vụ Khoa học, Công nghệ và Đổi mới Sáng tạo trên địa bàn tỉnh trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh; kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo. Nghiên cứu cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia; sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tham gia mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số; thực hiện các chương trình, dự án thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng tâm cấp quốc gia, cấp tỉnh.

Triển khai Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số với các mục tiêu được lượng hoá cụ thể; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số. Tập trung triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 27/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIV về Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ; nâng cao năng lực phân tích thử nghiệm của Trung tâm Dịch vụ Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; nâng cấp phòng thí nghiệm nghiên cứu phát triển ứng dụng nền tảng số của Trung tâm Công nghệ số.

Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững; hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao; mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn tỉnh. Chú trọng hạ tầng tiện ích số và công nghệ số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào kết nối, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; hoàn thiện cơ sở dữ liệu của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.

Thực thi đầy đủ các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực. Từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các giải pháp phát triển, ứng dụng công nghệ số tại địa phương, gắn với công tác quản lý nhà nước bảo đảm theo hướng cải cách hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Chương trình số 51-CTr/TU, ngày 10/5/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIV thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đảm bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng cơ chế, chính sách về học bổng và học phí để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hoá học, kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo tài năng trên các lĩnh vực. Ban hành cơ chế đặc thù thu hút người có trình độ cao phục vụ địa phương (bao gồm di cư và không di cư). Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học uy tín trong và ngoài nước; hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và ứng dụng, phát triển các nền tảng trí tuệ nhân tạo để huấn luyện các trợ lý ảo (cá nhân hoá) nhằm hỗ trợ việc ra quyết định trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; trong đó, đảm bảo sự liên thông, đồng bộ, bảo đảm bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị.

Nâng cao hiệu quả chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo hướng thân thiện và dễ sử dụng; nghiên cứu phát triển các công cụ tiện ích nhằm cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hoá, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính. Sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

Phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số trong nước bảo đảm an toàn, nhiều tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân. Triển khai các giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số. Xây dựng văn hoá số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; triển khai bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá để phát triển công nền tảng công nghiệp văn hoá lành mạnh, đặc sắc và nhân văn. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hoá số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hoá số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hoá số. Huy động, khuyến khích và xây dựng cơ chế đãi ngộ, động viên đội ngũ trí thức, thanh niên là lực lượng tiên phong xây dựng văn hoá số.

Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn hoá số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội; giảm thiểu các tác động tiêu cực trên không gian mạng đối với môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương.

Xây dựng nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh. Ứng dụng và phát triển các nền tảng trí tuệ nhân tạo tiên tiến, phù hợp để hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Tập trung triển khai thực hiện Chỉ thị số 09/CT- TTg, ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; đẩy nhanh tiến độ phê duyệt cấp độ an toàn thông tin của các sở, ban, ngành; uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Số hoá, thông minh hoá, hiện đại hoá vũ khí, trang bị thiết bị kỹ thuật quân sự, an ninh; làm chủ vũ khí công nghệ cao dựa trên công nghệ số; tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang; bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật theo hướng tự động hoá, thông minh hoá, góp phần thực hiện chính quy hoá, hiện đại hoá quốc phòng, an ninh; chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa chiến tranh mạng và chiến tranh điện tử; xây dựng, phát huy sức mạnh thể trận chiến tranh nhân dân, thể trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên nền tảng số và không gian mạng; an ninh, an toàn dữ liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và chủ quyền an ninh dữ liệu. Từng bước ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang cũng như làm chủ công nghệ cao trong hoạt động quốc phòng, an ninh. Ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

Xây dựng các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Xây dựng chính sách phù hợp, thông thoáng để khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp tại tỉnh. Xây dựng không gian đổi mới sáng tạo để tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện ý tưởng khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong tỉnh quy mô lớn để phát triển hạ tầng số; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số. Thúc đẩy các doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D).

Đẩy mạnh các hoạt động giới thiệu, quảng bá các sản phẩm đặc thù, OCOP của tỉnh cũng như các hoạt động tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số; đẩy mạnh sản xuất tự động và thông minh hoá trong các ngành, lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics,...

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các địa phương, quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược khác. Xây dựng chính sách hợp tác, mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Mở rộng hợp tác với các viện, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước để liên kết giáo dục và đào tạo, dạy nghề và triển khai các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất và đời sống. Liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành trong cả nước nhằm phát huy nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ trí thức hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; tham gia phát triển thị trường khoa học và công nghệ; tăng cường kết nối cung - cầu về công nghệ, thiết bị và đổi mới sáng tạo; thu hút đầu tư các công nghệ cao, phát triển doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; thúc đẩy ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ; phát triển hệ sinh thái, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo xu thế cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra nhiều cơ hội và khả năng cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, do đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ làm Trưởng Ban và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh.

2. Các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh tổ chức nghiên cứu, tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Chương trình này; xây dựng chương trình hành động hoặc kế hoạch tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương; đưa nội dung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình này. Phối hợp với Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh cụ thể hoá các cơ chế, chính sách nêu trong Chương trình này và bố trí nguồn lực, kinh phí để thực hiện. Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Chương trình này gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội hằng năm. Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình này; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện về Ban Chỉ đạo tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ hướng dẫn và đánh giá việc tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Chương trình này. Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phối hợp với Ban cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Chương trình này; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện về Ban Chỉ đạo tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Bộ Chính trị,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Các huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ,
- Thành viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ,
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Hồ Thị Cẩm Đào

